TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/TCDS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba và ông Nguyễn Xuân Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*** tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Triều , Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLST-TCDS, ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - DSST ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C,

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình; ủy quyền lại cho ông Hoàng Đại T, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình tại văn bản ủy quyền số 20/QĐ-NHCS ngày 08 tháng 01 năm 2020. Địa chỉ Phòng giao dịch: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị D, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh V, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng C - Ông Hoàng Đại T trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Trần Thị D vay cho chồng là Lê Thanh V đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đã được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước nhận nợ số 60000030000107740 số tiền 27.000.000 đồng, giải ngân ngày 18/9/2008, thời

hạn trả nợ 36 tháng, lãi suất cho vay 7,8%/năm đến hạn trả nợ theo Hợp đồng, Phòng giao dịch đã có thông báo thu hồi nợ đến hạn để thông báo cho hộ vay trả nợ đến hạn. Gia đình bà Trần Thị D gặp khó khăn chưa trả được nợ, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q đã tạo điều kiện cho khoanh nợ từ ngày 11/6/2014 đến ngày 10/6/2019. Tuy nhiên, hét thời gian khoanh nợ ngày 11/6/2019 nhưng gia đình bà Trần Thị D vẫn không chấp hành trả số nợ nói trên.

Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện Q đã chuyển số tiền 27.000.000 đồng nói trên sang nợ quá hạn. Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện Q, UBND xã H, Ban giảm nghèo xã H, Hội phụ nữ xã và tổ TK&VV đã phối hợp nhiều lần động viên, đôn đốc gia đình bà Trần Thị D trả nợ nhưng đến nay gia đình bà Trần Thị D vẫn không chấp hành nghĩa vụ trả nợ cho Nhà nước.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng C đề nghị Tòa án huyện Quảng Ninh buộc gia đình bà Trần Thị D phải thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 30.457.876 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi là 3.457.876 đồng (nợ lãi trong hạn 2.659.909 đồng; nợ lãi quá hạn 797.967 đồng) và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày gia đình bà Trần Thị D trả nợ xong cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn bà Trần Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh V không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/8/2020. Mặc dù bà Trần Thị D và ông Lê Thanh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Điều 51, 54, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các Điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Trần Thị D và ông Lê Thanh V thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện Q số tiền 30.457.846 đồng trong đó: nợ gốc còn lại là 27.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp

luật là 3.457.846 đồng (nợ lãi trong hạn 2.659.909 đồng; nợ lãi quá hạn 797.967 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng C khởi kiện bị đơn bà Trần Thị D yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn bà Trần Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D, ông V.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Ngân hàng C huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước số 60000030000107740 ngày 18/9/2008, bà Trần Thị D đã vay Ngân hàng số tiền 27.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 0,65%/tháng, hạn trả nợ 16/9/2011. Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Quảng Ninh đã có thông báo thu hồi nợ đến hạn để thông báo cho hộ vay trả nợ đến hạn. Hộ gia đình bà Trần Thị D gặp khó khăn chưa trả được nợ, Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện Q đã tạo điều kiện cho khoanh nợ từ ngày 11/6/2014 đến ngày 10/6/2019. Tuy nhiên, hết thời gian khoanh nợ ngày 11/6/2019 nhưng gia đình bà Trần Thị D vẫn không chấp hành trả số nợ nói trên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hộ gia đình bà Trần Thị D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 30.457.876 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi là 3.457.876 đồng (nợ lãi trong hạn 2.659.909 đồng; nợ lãi quá hạn 797.967 đồng).

Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được giải ngân giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Quảng Ninh với hộ gia đình bà D được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo cam kết thỏa thuận tại sổ vay vốn.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước số 60000030000107740 ngày 18/9/2008 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 0,65%/tháng. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét thấy rằng, đến kỳ hạn trả nợ, gia đình bà D không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ gia đình bà D không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và

tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc vợ chồng bà D, ông V phải trả cho Ngân hàng c số tiền lãi là 3.457.876 đồng (nợ lãi trong hạn 2.659.909 đồng; nợ lãi quá hạn 797.967 đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà D, ông V phải nộp 1.522.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc vợ chồng bà Trần Thị D và ông Lê Thanh V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền 30.457.876 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 27.000.000 đồng, nợ lãi là 3.457.876 đồng (nợ lãi trong hạn 2.659.909 đồng; nợ lãi quá hạn 797.967 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị D và ông Lê Thanh V phải nộp 1.522.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2020); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Châu Mạnh Cường